

Rani, P., N. Singh, 2013. Impact of gibberellic acid pretreatment on growth and flowering of tuberose (*Polianthes tuberosa* L.) cv. Prajwal. *J. Trop. Plant Physiol.*, 5: 33-42.

Rodrigo B. G., M. R. D. José, C. C. S. Ma, R. Aaron, M. V. T. Jaap and T. C. Ernesto, 2012. Mexican Geophytes I. The Genus *Polianthes*. *Floriculture and Ornamental Biotechnology*. Global Science Books. 6(1): 122-128.

Wi, S.G, B.Y. Chung, J.S. Kim, J.H. Kim, M.H. Baek, J.W. Lee and Y.S. Kim, 2007. Effects of gamma irradiation on morphological changes and biological responses in plants. *Micron*, 38:553-564.

Xu, L., U. Najeeb, M.S. Naeem, G.L. Wan, Z.L. Jin, F. Khan and W.J. Zhou, 2012. In: *In vitro mutagenesis and genetic improvement*. S.K. Gupta (Ed.): Technological Innovations in Major World Oil Crops, (2): 151-173.

Study on growth and flower diversity of single petal tuberose clones (*Polianthes tuberosa* L.) irradiated with Co⁶⁰ gamma rays by tissue culture

Dao Thi Tuyet Thanh, Le Thi Ngoc Quy, Nguyen Bao Toan

Abstract

The results showed that irradiating at the different doses by ⁶⁰Co gamma source had effects on the number of shoots, leaves and tubes of single tuberose clones cv. single (*Polianthes tuberosa*). In general, by increasing the irradiation doses, the number of shoots, leaves and tubes was decreased, except the dose of 25 Gy. Besides, there was an increase in the number of petals at the same spike when exposed 25 Gy dose. The frequencies of flowers which had 7 petals were 28, 10, 12 % and 8 petals were 15; 56; 14% when irradiated with 15; 25; 30 Gy, respectively. At the 15 and 5 Gy radiation doses, there were some abnormal phenotypic variations of leaves and flowers such as some leaves having white streak on the edges and all flowers were unscented and unopened which appeared with 4% and 100% frequencies. These traits were basic for determination of agronomic characteristics of further mutated tuberose varieties.

Key words: Petal, gamma, tuberose, scent, flowering, growth

Ngày nhận bài: 10/01/2016

Người phản biện: PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Lý

Ngày phản biện: 17/01/2017

Ngày duyệt đăng: 24/01/2017

HIỆU QUẢ MỘT SỐ MÔ HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VEN ĐÔ THEO HƯỚNG NÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ Ở HUYỆN HOÀI ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trần Trọng Phương¹

TÓM TẮT

Kết quả của 3 mô hình sản xuất ở huyện Hoài Đức, Hà Nội: Hoa, cây cảnh (Yên Sở, Minh Khai), rau an toàn (Tiền Yên) và vườn trại (Song Phương, Đắc Sở) cho thấy hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của các mô hình này rất lớn. Thu nhập trung bình 3 năm của mô hình sản xuất hoa, cây cảnh đạt 111,67 triệu đồng, mô hình sản xuất rau an toàn 127,90 triệu đồng và mô hình vườn trại đạt 1.729,76 triệu đồng. Có thể nói các mô hình này bước đầu đã khẳng định được vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị ở huyện như: tạo công ăn việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, tạo cảnh quan và môi trường sinh thái.

Từ khoá: Nông nghiệp đô thị, mô hình, hiệu quả sử dụng đất, huyện Hoài Đức

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hoài Đức nằm về phía Tây của thành phố Hà Nội, có diện tích là 82,4 km², dân số là 190.612 người. Sau khi Hoài Đức sát nhập vào Hà Nội, tốc độ đô thị hóa diễn ra ngày càng nhanh, nhu cầu quỹ đất để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đô thị hoá đã gây áp lực lớn lên nguồn tài nguyên đất đai. Đặc biệt

là đất nông nghiệp đang đứng trước nguy cơ bị giảm mạnh về số lượng và chất lượng. Vì vậy, việc sử dụng đất đai ở ngoại thành một cách hiệu quả, bền vững đang là vấn đề mang tính cấp thiết cao. Nông nghiệp ven đô đã chuyển dịch theo hướng nông nghiệp đô thị sinh thái phù hợp với quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện (Phạm Văn Khôi, 2004).

¹ Khoa Quản lý Đất đai, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Thực tế trên cho thấy việc đánh giá và đưa ra hướng sử dụng đất hợp lý, hiệu quả nhằm phát triển nông nghiệp ven đô cho huyện Hoài Đức là rất cần thiết. Trên cơ sở đó đề tài “*Hiệu quả một số mô hình sản xuất nông nghiệp ven đô theo hướng nông nghiệp đô thị ở huyện Hoài Đức*” được tiến hành.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp điều tra thu thập số liệu

Lập phiếu điều tra về tình hình sản xuất nông nghiệp của các mô hình lựa chọn theo các vùng sản xuất.

2.2. Các chỉ tiêu đánh giá

Sử dụng các phần mềm chuyên dụng để đánh giá, so sánh hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của các mô hình với các chỉ tiêu:

- Giá trị sản xuất (GTSX) = Sản lượng × Đơn giá.

- Chi phí trung gian (CPTG): Bao gồm các khoản chi phí được sử dụng trong quá trình sản xuất (chi phí vật chất và chi công lao động).

- Thu nhập thuần (TNT) = GTGT – Chi phí công lao động.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

- Vị trí địa lý: Hoài Đức nằm về phía Tây trung tâm Hà Nội với các khu vực tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp huyện Đan Phượng, Phúc Thọ; phía Đông giáp huyện Từ Liêm; phía Nam giáp quận Hà Đông, huyện Chương Mỹ; phía Tây giáp huyện Quốc Oai.

- Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (Bảng 1).

Bảng 1. Giá trị sản xuất các ngành kinh tế nông thôn 2011 - 2015

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015	Tốc độ tăng bình quân (%)
Nông nghiệp	314	287,7	293,6	297,3	343,6	2,28
Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng	938	1.201,20	1.290,80	1.520,40	1.639,00	14,97
Dịch vụ	560	609	745,6	816,3	1.127,40	19,12
<i>Tổng</i>	<i>1.812,00</i>	<i>2.097,9</i>	<i>2.330,00</i>	<i>2.634,00</i>	<i>3.110,00</i>	<i>14,46</i>

Nguồn: UBND huyện Hoài Đức, 2011.

3.2. Đánh giá hiệu quả một số mô hình sản xuất theo hướng nông nghiệp đô thị

3.2.1. Mô hình trồng hoa cây cảnh

- Thông tin chung về mô hình

Các sản phẩm từ mô hình hoa - cây cảnh đã khẳng định được giá trị kinh tế lẫn cảnh quan sinh thái, phục vụ tốt nhu cầu giải trí, thưởng ngoạn của người dân. Trên địa bàn huyện Hoài Đức trồng hoa, cây cảnh rải rác trong huyện, nhưng tập trung chủ yếu ở 2 xã Yên Sở, Đắc Sở. Trong số 40 hộ đã điều tra, phỏng vấn khu vực sản xuất hoa - cây cảnh, để tài lựa chọn 3 mô hình để theo dõi bao gồm: mô hình sản xuất hoa hộ bà Nguyễn Thị Lan, hộ ông Nguyễn Xuân Phong xã Đắc Sở, hộ ông Mai Xuân Tâm xã Minh Khai.

Như vậy, bình quân các mô hình trồng hoa cây cảnh có diện tích khá nhỏ 620 m², diện tích đất bao gồm đất chuyên trồng hoa (chiếm 90,32%), còn lại là đất ở.

Bảng 2. Cơ cấu diện tích của mô hình hoa, cây cảnh

TT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Cơ cấu (%)
1	Đất trồng hoa (hoa cúc, hoa hồng, hoa ly, hoa đơn)	560	90,32
2	Đất ở	60	9,68
3	Đất khác	-	-
<i>Tổng</i>		<i>620</i>	<i>100,00</i>

- Hiệu quả sản xuất của mô hình

Xét về mặt kinh tế, tổng thu của mô hình hoa - cây cảnh tương đối cao. Nguồn thu chủ yếu của mô hình là từ sản xuất hoa - cây cảnh với nhiều chủng loại như hoa cúc, hoa hồng, hoa đơn, hoa lily... ngoài ra còn có nguồn thu từ các khoản khác như đi làm công việc bán thời gian... Cụ thể: Năm 2013 giá trị sản xuất (GTSX) đạt 105,00 triệu đồng, đến năm 2015 đạt 120,00 triệu đồng, bình quân 111,67 triệu đồng. Lãi thuần bình quân 3 năm của mô hình này đạt 45,31 triệu đồng; trong đó, năm 2015 đạt mức 49,84 triệu đồng.

Bảng 3. Một số chỉ tiêu về hiệu quả sản xuất của mô hình

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Bình quân 3 năm
1	Một số chỉ tiêu					
	Tổng thu	triệu đồng	105	110	120	111,67
	Tổng chi	triệu đồng	63,1	65,82	70,16	66,36
	Lãi thuần	triệu đồng	41,9	44,18	49,84	45,31
	Tổng ngày công lao động	ngày	320	315	317	317,33
2	Hiệu quả sử dụng lao động gia đình					
	Tổng thu/ngày/Lao động	ngàn đồng	328,13	349,21	378,55	351,96
	Lãi thuần/ngày/Lao động	ngàn đồng	130,94	140,25	157,22	142,81

Ngoài giá trị về mặt kinh tế và môi trường của mô hình sản xuất hoa, cây cảnh, mô hình này còn có ý nghĩa trong việc tạo cảnh quan, sinh thái cho huyện, giải quyết các vấn đề về áp lực quỹ đất, lao động tại địa phương góp phần quan trọng vào việc

nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân đô thị.

Trung bình trong 3 năm, lãi thuần thu được của mô hình là 45,31 triệu đồng, năm 2013 là 41,9 triệu, đến năm 2015 là 49,84 triệu đồng.

Bảng 4. Tổng hợp hiệu quả sản xuất qua 3 năm (2013 - 2015)

Năm	Tổng thu		Tổng chi		Lãi thuần	
	GTSX (triệu đồng)	Cơ cấu (%)	GTSX (triệu đồng)	Cơ cấu (%)	GTSX (triệu đồng)	Cơ cấu (%)
2013	105	100,00	63,1	60,10	41,9	39,90
2014	110	100,00	65,82	59,84	44,18	40,16
2015	120	100,00	70,16	58,47	49,84	41,53
Bình quân	111,67	100,00	66,36	59,43	45,31	40,57

3.2.2. Mô hình trồng rau an toàn

a) Thông tin chung về mô hình

- Biện pháp kỹ thuật canh tác của mô hình:

Canh tác: Các hộ trong mô hình đã thực hiện trồng luân canh cây trồng trong năm, trong đó có cây lạc, đỗ.

Chăm sóc: Mô hình đã chủ động được 35% lượng cây giống. Thực hiện vệ sinh ruộng rau thu hoạch.

Thuốc bảo vệ thực vật (BVTV): Các loại thuốc BVTV sử dụng do cán bộ khuyến nông khuyến cáo. Khi xuất hiện sâu hại vượt mức giới hạn cho phép các hộ tiến hành phun thuốc trong danh mục thuốc sử dụng trong sản xuất rau an toàn. Tuân thủ thời gian cách ly của các loại thuốc theo đúng chỉ dẫn sử dụng.

Nước tưới: 100% diện tích rau an toàn được tưới bằng nước giếng khoan.

b) Thông tin về chủ mô hình

Để mang tính đại diện cho tiểu vùng trồng rau an toàn ở xã Tiên Yên, trong 40 hộ đã điều tra, phỏng vấn để tài lựa chọn 3 mô hình điều tra sau đó lấy giá trị

trung bình, bao gồm: hộ ông Nguyễn Xuân Nam, Trần Văn Chiến, Bùi Văn Công ở xã Tiên Yên.

Bảng 5. Cơ cấu diện tích của mô hình rau an toàn

TT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Cơ cấu (%)
1	Đất trồng rau (bắp cải, su hào, súp lơ, cà chua, su su, bí đỏ...)	1.300	65,00
2	Đất ở	100	5,00
3	Đất khác (trồng lúa và trồng các loại cây màu như đỗ, lạc...chăn nuôi lợn và gia cầm, trồng cây ăn quả)	600	30,00
Tổng		2.000	100,00

c) Hiệu quả sản xuất của mô hình

Số liệu tại bảng 6 cho thấy hàng năm các hộ dành một khoản lớn chi phí cho sản xuất kinh doanh tái đầu tư cho sản xuất. Chi phí bình quân cho sản xuất trong 3 năm là 64,86 triệu, chiếm 50,71% tổng thu của mô hình.

Bảng 6. Một số chỉ tiêu hiệu quả sản xuất của mô hình

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Bình quân 3 năm
1	Một số chỉ tiêu					
	Tổng thu	triệu đồng	121,1	124	138,6	127,90
	Tổng chi	triệu đồng	62,32	65,97	66,29	64,86
	Lãi thuần	triệu đồng	58,78	58,03	72,31	63,04
	Tổng ngày công lao động	ngày	420	435	468	441
2	Hiệu quả sử dụng lao động gia đình					
	Tổng thu/ngày/lao động	nghìn đồng	288,33	285,06	296,15	289,85
	Lãi thuần/ngày/lao động	nghìn đồng	139,95	133,40	154,51	142,62

Tính trung bình 1 ha rau an toàn tạo việc làm thường xuyên 20 - 30 lao động. Sản xuất rau an toàn không những giải quyết được thời gian nhàn rỗi tại địa phương, mà còn góp phần vào việc bảo vệ an

ninh trật tự làng thôn, giảm lao động dư thừa.

Trung bình trong 3 năm, lãi thuần thu được của mô hình là 60,04 triệu đồng, năm 2013 là 58,78 triệu, đến năm 2015 là 72,31 triệu đồng.

Bảng 7. Tổng hợp hiệu quả sản xuất qua 3 năm (2013 - 2015)

Năm	Tổng thu		Tổng chi		Lãi thuần	
	GTSX (triệu đồng)	Cơ cấu (%)	GTSX (triệu đồng)	Cơ cấu (%)	GTSX (triệu đồng)	Cơ cấu (%)
2013	121,10	100,00	62,32	51,46	58,78	48,54
2014	124,00	100,00	65,97	53,20	58,03	46,80
2015	138,60	100,00	66,29	47,83	72,31	52,17
Bình quân	127,90	100,00	64,86	50,71	63,04	49,29

3.2.3. Mô hình vườn trại

a) Thông tin chung về mô hình

Để làm rõ hơn hiệu quả sản xuất mô hình vườn trạitrên địa bàn xã Đắc Sở, Song Phương huyện Hoài

Đức, để tài tiến hành lựa chọn và theo dõi mô hình của hộ ông Trần Văn Chiến xã Đắc Sở, Nguyễn Văn Quân xã Song Phương. Đây là các mô hình đã thực hiện trong nhiều năm và cho thu nhập khá ổn định.

Bảng 8. Hiệu quả sản xuất của hộ theo mô hình vườn trại

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Bình quân 3 năm
A	Tổng thu	Triệu đồng	1012,20	1686,29	2520,80	1739,76
1	Thu từ sản xuất	Triệu đồng	288,00	408,10	480,80	392,30
	Cây ăn quả	Triệu đồng	48,00	57,40	64,00	56,47
	Thủy sản	Triệu đồng	240,00	350,70	416,80	335,83
2	Thu từ dịch vụ (câu cá, ăn uống)	Triệu đồng	724,20	1278,19	2040,00	1347,46
	Lượt khách đến	Người	7242,00	9832,20	13600,00	10224,73
B	Tổng chi	Triệu đồng	336,60	587,59	917,55	613,91
	Chi phí vật chất, dịch vụ	Triệu đồng	24,00	26,89	34,35	28,41
	Khấu hao tài sản cố định	Triệu đồng	24,60	31,50	38,40	31,50
	Tổng ngày công lao động	Ngày	3000,00	3780,00	4800,00	3860,00
	Số tiền/1 ngày công/1 LĐ	1.000 đồng	96,00	140,00	176,00	137,33
	Hiệu quả đồng vốn	Lần	3,01	2,87	2,74	2,87

3.2.4. Tác động của các mô hình đến hiệu quả xã hội và môi trường

Trong phạm vi nghiên cứu tác động của các mô hình đến hiệu quả xã hội và môi trường để tài chỉ đề cập đến đến một số chỉ tiêu: Mức thu hút lao động và giá trị ngày công lao động của các kiểu sử dụng đất. Đánh giá mức thu hút lao động giải quyết việc làm cho hộ nông dân của các kiểu sử dụng đất, giá trị ngày công lao động của các kiểu sử dụng đất tại các xã. Các mô hình nông nghiệp đô thị đều có các chỉ tiêu trong đất, nước đều dưới mức tiêu chuẩn cho phép, đáp ứng được yêu cầu về nền nông nghiệp đô thị.

3.2.5. Định hướng quy hoạch vùng sản xuất và đề xuất một số mô hình nông nghiệp đô thị trên địa bàn huyện Hoài Đức

- Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung, sử dụng công nghệ cao để tạo ra năng suất, chất lượng nông sản có sức cạnh tranh và an toàn, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường đô thị. Bảo đảm tốc độ tăng nhanh, bền vững, đạt trên 4%/năm. Cơ cấu nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tăng mạnh tỷ trọng chăn nuôi; phát triển các cây, con có giá trị, phù hợp với điều kiện từng địa phương (Phùng Hữu Phú, 2008).

Bảng 9. Định hướng quy hoạch sản xuất tập trung phát triển nông nghiệp đô thị ở huyện Hoài Đức

TT	Mô hình	Diện tích (ha)	Vùng sản xuất tập trung (xã)
1	Hoa, cây cảnh	100-150	Mình Khai, Yên Sở, Đắc Sở, Kim Chung, Cát Quế...
2	Rau an toàn	300-500	Tiến Yên, Vân Côn, An Thượng, Song Phương...
3	Vườn trại	200-300	Song Phương, Đông La, Đắc Sở...

Nguồn: UBND huyện Hoài Đức, 2012

a) Mô hình hoa, cây cảnh

Hoa, cây cảnh phù hợp với diện tích đất có quy mô nhỏ, phân tán ở các khu đô thị trong quá trình quy hoạch và phát triển của huyện nên chủ yếu được sử dụng để phát triển nông nghiệp của hộ gia đình. Các hộ gia đình làm nông nghiệp đô thị với các mô hình hoa-cây cảnh. Sản phẩm nông nghiệp ở vùng này đáp ứng nhu cầu của cư dân đô thị, phát triển và quy hoạch cảnh quan của vùng.

b) Mô hình để xuất cho huyện

Bonsai, gồm một số loại như: cây si, sanh, trúc,

lộc vùng...; cây cảnh chậu để bày trí trong nhà: lan, đào, mai...; hoa cao cấp như lan cắt cành, hoa hồng, hoa layon, hoa cúc, hoa lily...

c) Mô hình rau an toàn

(Điển hình là các mô hình trồng rau an toàn trong nhà lưới, nhà kính).

Đối với mô hình rau an toàn, người sản xuất có thể canh tác với khoảng 10 vụ bình quân hàng năm, nâng cao hệ số sử dụng đất. Mô hình rau an toàn trong nhà lưới sẽ cho thu nhập khoảng 20 triệu đồng/500m²/năm (400 triệu đồng/ha/năm) cho hiệu quả cao hơn so với một số cây trồng khác. Bên cạnh đó mỗi mô hình có thể giải quyết cho 5 - 7 lao động, góp phần đem lại công ăn việc làm cho người dân trong vùng.

d) Mô hình vườn trại

Quá trình đô thị hóa ảnh hưởng đến quỹ đất sản xuất nông nghiệp, thì việc quy hoạch, xây dựng và duy trì vùng xanh sinh thái là cần thiết. Mô hình nhà vườn trại kết hợp nuôi trồng thủy sản, trồng cây ăn quả là hướng phát triển phù hợp. Đây là mô hình vườn cây ao cá, khu vui chơi, nơi nghỉ dưỡng cuối tuần cho cả người lớn và trẻ em. Mô hình này có nhiều cây xanh, hồ nước..., nên không khí trong lành ít bị ảnh hưởng của môi trường đô thị (Lê Văn Trường, 2008).

3.3. Đề xuất giải pháp nhằm phát triển theo hướng sản xuất nông nghiệp đô thị ở huyện Hoài Đức

- Phát triển nông nghiệp phải dựa trên việc áp dụng giống mới và tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất, nhằm tạo ra năng suất, chất lượng sản phẩm cao. Xây dựng quy trình canh tác hợp lý và áp dụng công nghệ mới trong tất cả các công đoạn sản xuất.

- Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng ngành sản xuất rau an toàn, trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả, cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản, kết hợp phát triển các dịch vụ liên quan.

- Xây dựng và phát triển lâu dài một số phân vùng sản xuất chuyên canh, với quy mô phù hợp: Vùng sản xuất rau an toàn, vùng trồng hoa, cây cảnh, vùng trồng cây ăn quả. Chú trọng đầu tư một số loại cây, con đặc sản khác thích hợp và hiệu quả cao.

Phát triển công nghiệp chế biến nông sản từ sơ chế đến chế biến sâu nhằm tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp, thu hút khối lượng lớn nông sản phong phú và đa dạng từ các địa phương lân cận tới Hà Nội, góp phần ổn định và đáp ứng nhu cầu thị trường tiêu thụ của Thủ đô.

IV. KẾT LUẬN

Nông nghiệp huyện Hoài Đức đã chuyển dịch đúng hướng với nền nông nghiệp đô thị phù hợp với quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện, phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá, nông nghiệp công nghệ cao, đa dạng hóa các loại sản phẩm, an toàn cho người sử dụng và hiệu quả kinh tế cao.

Kết quả của 3 mô hình sản xuất: trồng hoa, cây cảnh (Yên Sở, Minh Khai), rau an toàn (Tiền Yên) và vườn trại (Song Phương, Đắc Sở) cho thấy: Hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường mà các mô hình này đem lại rất lớn. Thu nhập trung bình 3 năm của mô hình sản xuất hoa, cây cảnh đạt 111,67 triệu đồng, mô hình sản xuất rau an toàn 127,90 triệu đồng và mô hình vườn trại đạt 1.729,76 triệu đồng.

Định hướng đến năm 2020 như sau: Quy hoạch vùng hoa, cây cảnh có diện tích 100 - 150 ha, rau an toàn 300 - 500 ha, vườn trại 200 - 300 ha. Có thể nói các mô hình này bước đầu đã khẳng định được vị trí quan trọng trong việc phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị ở huyện như: Tạo

công ăn việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, tạo cảnh quan và môi trường sinh thái.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phạm Văn Khôi**, 2004. *Phát triển nông nghiệp ngoại thành Hà Nội theo hướng nông nghiệp sinh thái*. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
- Phùng Hữu Phú**, 2008. Đô thị hóa ở Việt Nam-từ góc nhìn nông nghiệp, nông thôn, nông dân. Trung tâm Nghiên cứu đô thị và Phát triển, <http://www.cefurds.com>
- Lê Văn Trường**, 2008. Phát triển các loại hình nông nghiệp đô thị Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế Phát triển*, số 136. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- UBND huyện Hoài Đức**, 2011. *Báo cáo quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 huyện Hoài Đức*. Hoài Đức
- UBND huyện Hoài Đức**, 2012. *Báo cáo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) huyện Hoài Đức*. Hoài Đức.

Efficiency of agricultural production models in suburban areas toward urban agriculture in Hoai Duc district, Hanoi city

Tran Trong Phuong

Abstract

Three models including flower and bonsai (Yen So, Minh Khai), safety vegetables (Tien Yen) and ornamental ones (Song Phuong and Dac So) were studied and the result showed that economic, social and environmental efficiencies of these models were very high. The average of three-year income of flower and bonsai models was 111.67 million VND, safety vegetable model was 127.90 million VND and ornamental model was 1,729.76 million VND. These models were primarily identified to play an important role in the development of agricultural economy towards urban agriculture in Hoai Duc district such as creating jobs, improving material and spiritual life, creating landscapes and ecological environment.

Key words: Urban agriculture, model, land use efficiency, Hoai Duc district

Ngày nhận bài: 13/02/2017

Ngày phản biện: 18/02/2017

Người phản biện: TS. Bùi Huy Hiền

Ngày duyệt đăng: 20/02/2017

NGHIÊN CỨU HIỆN TRẠNG CHUỖI CUNG ỨNG RAU AN TOÀN HÀ NỘI

Đào Thế Anh¹, Vũ Văn Đoàn¹, Nguyễn Hà Thanh¹

TÓM TẮT

Bài viết tập trung phân tích hiện trạng chuỗi cung ứng rau an toàn (RAT) của thành phố Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy chuỗi cung ứng rau an toàn đã được hình thành và phát triển với sự tham gia của nhiều tác nhân khác nhau. Đóng vai trò chỉ phối trong chuỗi cung ứng rau an toàn Hà Nội hiện nay là tác nhân bán buôn (chợ đầu mối) và tác nhân bán lẻ (chủ yếu là chợ dân sinh). Tuy nhiên nguồn cung cấp rau đầu vào cho các tác nhân này đa dạng, chất lượng an toàn thực phẩm (ATTP) phần lớn chưa được kiểm soát. Hệ thống bán lẻ rau an toàn chưa xây dựng được liên kết có hiệu quả với các vùng sản xuất nên gặp nhiều khó khăn trong quá trình hoạt động và mở rộng mạng

¹ Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm